

Số: 04/2025/QĐST - HNGĐ

Hưng Yên, ngày 17 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án HNGĐ thụ lý số 64/2025/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Diệu G, sinh năm 1987

Nơi cư trú: thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Nay là: thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên).

Bị đơn: Anh Trịnh Quang S, sinh năm 1986

Nơi cư trú: thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Nay là: thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Trịnh Quang D, sinh ngày 01/7/2010

Cháu Trịnh Quang S1, sinh ngày 29/8/2012

Cháu Trịnh Quang D1, sinh ngày 04//2015

Đều cư trú tại: thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Nay là: thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên).

Căn cứ Điều 212; Điều 213; Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2025.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương Diệu G và anh Trịnh Quang S.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về tình cảm vợ chồng:** Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Diệu G và anh Trịnh Quang S.

*** Về con chung:** Anh S, chị G xác định vợ chồng có 03 con chung, cháu lớn là Trịnh Quang D, sinh ngày 01/7/2010; cháu thứ hai là Trịnh Quang S1, sinh ngày 29/8/2012; cháu thứ 3 là Trịnh Quang D1, sinh ngày 04//2015. Chấp nhận sự thoả thuận của anh S, chị G: giao cháu Trịnh Quang D cho anh S nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Quang S1 và Trịnh Quang D1 cho chị G nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn anh S, chị G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*** Về tài sản chung của vợ chồng, về nợ, về ruộng nông nghiệp, về công sức:** Chấp nhận sự tự nguyện của anh S, chị G không đề nghị Tòa án đặt ra để giải quyết.

*** Về án phí:** Chấp nhận sự tự nguyện của chị G xin chịu cả 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ với 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai số 0005618 ngày 17/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lâm (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Hưng Yên), trả lại chị G số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 – Hưng Yên;
- Thi hành án DS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Lạc Đạo;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phan Thị Bích Thủy